

PHỤ LỤC ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của BTV Tỉnh ủy
và Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-TNMT ngày /3/2024 của Sở Tài nguyên
và Môi trường)*

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Việc chỉ đạo thực hiện của các cấp ủy, chính quyền, xây dựng và tổ chức phương án thu gom, xử lý rác thải đảm bảo mục tiêu trước mắt cũng như phương án lâu dài; duy trì tổ chức kiểm điểm, đánh giá định kỳ và đột xuất.

- Việc rà soát, duy trì nội dung thực hiện thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt là một trong tiêu chí đánh giá gia đình, thôn, bản, tổ dân phố văn hóa; bổ sung quy ước, hương ước về vệ sinh môi trường khu dân cư.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Đánh giá tổng quát kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 18/6/2021 của UBND tỉnh và các văn bản chỉ đạo của tỉnh¹ (Đánh giá cụ thể đạt hay không đạt, tiến độ thực hiện đối với từng mục tiêu).

2. Kết quả cụ thể

2.1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về thu gom, xử lý rác thải

- Nêu cụ thể phương pháp, cách thức tuyên truyền (có số liệu minh chứng), hiệu quả của công tác tuyên truyền đến tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân.

- Việc phát động và tổ chức xây dựng, nhân rộng mô hình điểm về thu gom, xử lý rác thải, như: “Ngày chủ Nhật xanh”, “làng, xã xanh-sạch-đẹp”, “làng quê đáng sống” (số liệu cụ thể: bao nhiêu mô hình cấp huyện, cấp xã).

- Việc rà soát, duy trì nội dung thực hiện thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt là một trong tiêu chí đánh giá gia đình, thôn, bản, tổ dân phố văn hóa; bổ sung quy ước, hương ước về vệ sinh môi trường khu dân cư.

- Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQHĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh; Quyết định số

¹ Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 18/6/2021 thực hiện Kết luận số 99-KL/TU ngày 18/5/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06/2020/NQHĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng các lò đốt rác và hoạt động xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020 - 2025; Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh ban hành quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 ban hành Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và Công văn số 685/UBND-KTN ngày 06/02/2024 của UBND tỉnh về việc tập trung thực hiện các nhiệm vụ đối với công tác thu gom, xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh trong năm 2024 và thời gian tới.

25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021; Quyết định số 1553/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án tuyên truyền, vận động, hướng dẫn hội viên phụ nữ thực hiện thu gom, phân loại, đổ rác thải sinh hoạt đúng quy định trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2021-2025.

2.2. Về thu gom, phân loại, vận chuyển rác thải sinh hoạt

- Việc quy hoạch, bố trí các khu thu gom, điểm tập kết, trung chuyển rác thải; bố trí phương tiện thu gom, vận chuyển (số liệu minh chứng).

- Việc kiện toàn, duy trì hoạt động các Công ty, HTX, tổ vệ sinh môi trường chuyên trách, tổ tự quản về môi trường của thôn bản (số lượng, tỷ lệ %); bố trí các bể thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật (số liệu minh chứng) và hoạt động chuyển giao, xử lý.

- Công tác phân loại rác thải tại nguồn (có bao nhiêu mô hình của huyện, xã, thôn thực hiện; khối lượng rác thải được phân loại,...).

- Duy trì hoạt động ra quân vệ sinh môi trường, khơi thông cống rãnh, kênh, mương, xử lý triệt để các điểm tồn lưu rác thải không đúng quy định trên địa bàn đảm bảo giữ gìn vệ sinh và cảnh quan môi trường luôn xanh, sạch, đẹp.

2.3. Về xử lý rác thải sinh hoạt

- Số bãi chôn lấp rác thải, lò đốt rác (lò đốt công nghệ, lò đốt thủ công), nhà máy xử lý rác; số bãi, khu xử lý đóng cửa (số lượng, phương án đóng cửa).

- Khối lượng rác thải phát sinh, tỷ lệ thu gom (%), tỷ lệ rác thải thu gom được xử lý (%), trong đó: tỷ lệ xử lý hợp vệ sinh % (đốt bằng lò đốt công nghệ %, chôn lấp hợp vệ sinh %, ủ phân vi sinh %); tỷ lệ xử lý không hợp vệ sinh (chôn lấp thủ công và đốt lộ thiên %); số lượng các điểm tập kết (khu xử lý) tồn lưu rác thải chưa được xử lý (khối lượng tồn bao nhiêu);

- Phương án tái chế, tái sử dụng, tiêu hủy chất thải (khối lượng).

- Số lượng các điểm tồn lưu rác thải không đúng quy định tại ven đường giao thông, kênh mương,...

2.4. Về thu hút đầu tư nhà máy xử lý rác thải và lắp đặt lò đốt rác

- Tiến độ triển khai thực hiện của các nhà máy xử lý rác thải tập trung.

- Tình hình hoạt động của các lò đốt rác thải được lắp đặt theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

2.5. Việc thực hiện trách nhiệm theo Điều 16 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh.

2.6. Việc thực hiện trách nhiệm theo Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh.

2.7. Về cơ chế tài chính

- Việc triển khai thu giá dịch vụ vệ sinh môi trường theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 01/7/2021 của UBND tỉnh. Tỷ lệ thu giá dịch vụ hiện nay (%), tổng kinh phí thu được (theo quý, năm).

- Công tác phân bổ, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt theo Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND tỉnh (tổng số kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đối với từng hạng mục về đầu tư lò đốt, chi phí thu gom, xử lý rác; số kinh phí đã phân bổ, giải ngân; số kinh phí còn lại).

- Nguồn kinh phí chi cho công tác thu gom, xử lý rác thải: ngân sách nhà nước từng cấp, thu giá dịch vụ, nguồn khác (số liệu cụ thể).

(Gửi kèm biểu Tổng hợp số liệu chung).

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ